

BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG
Số: 02/2016/TT-BTTTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 2 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định kiểm tra tần số vô tuyến điện

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định kiểm tra tần số vô tuyến điện.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định nguyên tắc, hình thức kiểm tra tần số vô tuyến điện, thành lập đoàn kiểm tra tần số vô tuyến điện; xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra tần số vô tuyến điện; ban hành quyết định kiểm tra; thủ tục kiểm tra, nội dung kiểm tra và kết thúc kiểm tra tần số vô tuyến điện; trách nhiệm của cơ quan kiểm tra, đoàn kiểm tra tần số vô tuyến điện, tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện;

trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị điện, điện tử, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện có khả năng gây nhiễu có hại.

2. Thông tư này không quy định hoạt động kiểm tra đối với việc sử dụng tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích quốc phòng, an ninh. Việc kiểm tra đối với người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện, thiết bị vô tuyến điện lắp đặt trên tàu bay của Việt Nam và của nước ngoài khi vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan kiểm tra tần số vô tuyến điện, đoàn kiểm tra tần số vô tuyến điện.
2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.
3. Tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị điện, điện tử, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện có khả năng gây nhiễu có hại.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Kiểm tra tần số vô tuyến điện* (sau đây gọi tắt là kiểm tra) là việc xem xét thực tế tình hình sử dụng tần số vô tuyến điện, thiết bị vô tuyến điện, giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, chứng chỉ vô tuyến điện viên, đo tham số kỹ thuật của đài vô tuyến điện, xác định nguyên nhân gây nhiễu có hại để đánh giá, nhận xét việc chấp hành quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.
2. *Thiết bị vô tuyến điện* là thiết bị thu, phát hoặc thu - phát các ký hiệu, tín hiệu, số liệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng thông tin khác bằng sóng vô tuyến điện.
3. *Dấu hiệu vi phạm pháp luật về tần số vô tuyến điện* là dấu hiệu vi phạm được phát hiện từ kết quả theo dõi và giám sát bằng phương tiện kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
4. *Cơ quan kiểm tra tần số vô tuyến điện* (sau đây gọi tắt là cơ quan kiểm tra) bao gồm: Cục Tần số vô tuyến điện, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực, Sở Thông tin và Truyền thông.

5. *Đối tượng chịu sự kiểm tra tần số vô tuyến điện* (sau đây gọi tắt là đối tượng kiểm tra) là tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị điện, điện tử, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện có khả năng gây nhiễu có hại.

Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra

1. Hoạt động kiểm tra phải tuân thủ pháp luật về tần số vô tuyến điện và các quy định tại Thông tư này.
2. Hoạt động kiểm tra phải có căn cứ, bảo đảm khách quan, công bằng, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
3. Hoạt động kiểm tra đảm bảo không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian với hoạt động thanh tra.

Điều 5. Hình thức kiểm tra

1. Kiểm tra định kỳ được thực hiện theo kế hoạch kiểm tra đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Kiểm tra đột xuất được thực hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tần số vô tuyến điện hoặc giải quyết nhiễu có hại.

Điều 6. Thành lập đoàn kiểm tra

1. Hoạt động kiểm tra do đoàn kiểm tra thực hiện.
2. Đoàn kiểm tra do Thủ trưởng cơ quan kiểm tra thành lập theo Quyết định kiểm tra và thực hiện theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Thành phần của đoàn kiểm tra: Trưởng đoàn và thành viên; Trưởng đoàn kiểm tra là công chức của cơ quan kiểm tra và do Thủ trưởng cơ quan kiểm tra quyết định.

Điều 7. Thời hạn và tần suất kiểm tra

1. Thời hạn kiểm tra tối đa là 10 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp kiểm tra liên quan đến nhiều đối tượng, địa bàn kiểm tra rộng, tính chất việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Việc gia hạn thời hạn kiểm tra do Thủ trưởng cơ quan kiểm tra quyết định bằng văn bản theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tần suất kiểm tra định kỳ đối với một đối tượng kiểm tra: không quá 01 lần/năm.

Chương II

TỔ CHỨC KIỂM TRA

Mục 1

XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH KIỂM TRA, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

Điều 8. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ

1. Cục Tần số vô tuyến điện xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ, chậm nhất ngày 10 tháng 11 hàng năm.

2. Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực:

a) Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ trên địa bàn quản lý của Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực gửi Cục Tần số vô tuyến điện, chậm nhất ngày 05 tháng 11 hàng năm để Cục Tần số vô tuyến điện phê duyệt;

b) Thông báo kế hoạch kiểm tra định kỳ đã được Cục Tần số vô tuyến điện phê duyệt cho các Sở Thông tin và Truyền thông có liên quan thuộc địa bàn quản lý để theo dõi, phối hợp.

3. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Căn cứ kế hoạch kiểm tra định kỳ của Cục Tần số vô tuyến điện và trên cơ sở thống nhất với Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ của Sở, chậm nhất ngày 15 tháng 12 hàng năm;

b) Thông báo kế hoạch kiểm tra định kỳ của Sở Thông tin và Truyền thông cho Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực liên quan để theo dõi, phối hợp.

4. Trường hợp có sự thay đổi so với kế hoạch kiểm tra định kỳ đã được phê duyệt, đơn vị thực hiện kiểm tra phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phê duyệt điều chỉnh.

5. Kế hoạch kiểm tra định kỳ được gửi cho đối tượng kiểm tra và cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 9. Ban hành, thông báo quyết định kiểm tra

1. Quyết định kiểm tra được ban hành trên cơ sở một trong các căn cứ sau:
 - a) Kế hoạch kiểm tra định kỳ đã được cơ quan kiểm tra phê duyệt;
 - b) Khi giải quyết nhiều có hại hoặc khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tần số vô tuyến điện.
2. Quyết định kiểm tra bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Căn cứ pháp lý để kiểm tra;
 - b) Phạm vi, đối tượng, nội dung kiểm tra;
 - c) Thời gian kiểm tra;
 - d) Thành phần đoàn kiểm tra.
3. Quyết định kiểm tra được ban hành theo khoản 2, Điều 6 của Thông tư này.
4. Cơ quan kiểm tra thông báo bằng văn bản về thời gian, nội dung kiểm tra cho đối tượng kiểm tra như sau:
 - a) Kiểm tra định kỳ: chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày kiểm tra;
 - b) Kiểm tra đột xuất: chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày kiểm tra.
5. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm trong quá trình giải quyết nhiều có hại, Đoàn kiểm tra được quyền kiểm tra ngay nhưng phải báo cáo với Thủ trưởng cơ quan kiểm tra.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA

Điều 10. Trình tự kiểm tra

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo trình tự sau:

1. Công bố quyết định kiểm tra trước khi kiểm tra.
2. Thực hiện kiểm tra, xác minh theo nội dung kiểm tra quy định tại Điều 11 của Thông tư này.
3. Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.
4. Lập biên bản kiểm tra và biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 của Thông tư này.
5. Xử lý kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này.